

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THÁI BÌNH DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Tuấn Nam	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Tuấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2012)
Ông Vũ Thành Lê	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2012)
Ông Ngô Quang Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2012)
Ông Vũ Bảo Lâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Mạnh Tuấn
Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Số: 0357 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 03 năm 2012 từ trang 3 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, trong năm Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") thay thế thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 201"). Thông tư 179 quy định về việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại thuyết minh số 4.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

5475,
NG T
PHẢI
DẦU
NH DƯ
HỒ C

12500
HI NH
CÔNG
NHIỆM
LOI
IỆT N
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lũng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		956.911.521.531	1.283.663.288.384
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	201.562.257.745	69.110.272.222
1. Tiền	111		1.562.011.658	1.210.028.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.246.087	67.900.244.049
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		113.078.250.000	501.111.400.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	113.078.250.000	501.111.400.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		622.743.165.584	701.122.670.636
1. Phải thu khách hàng	131		157.355.334.203	170.142.288.138
2. Trả trước cho người bán	132		420.630.307.920	420.630.307.920
3. Các khoản phải thu khác	135	7	124.757.523.461	110.350.074.578
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(80.000.000.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	19.109.073.552	11.922.712.785
1. Hàng tồn kho	141		19.109.073.552	11.922.712.785
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		418.774.650	396.232.741
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		398.312.186	366.232.741
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		20.462.464	30.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		1.492.055.896.453	1.344.417.352.562
I. Tài sản cố định	220		1.331.899.896.453	1.338.566.893.234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	697.342.115.845	761.310.937.307
- Nguyên giá	222		982.727.064.670	982.639.129.633
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(285.384.948.825)	(221.328.192.326)
2. Tài sản cố định vô hình	227		16.249.997	37.916.665
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.750.003)	(27.083.335)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	634.541.530.611	577.218.039.262
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		160.000.000.000	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	160.000.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		156.000.000	5.850.459.328
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	5.850.459.328
2. Tài sản dài hạn khác	268		156.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.448.967.417.984	2.628.080.640.946

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lửng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.566.738.395.215	1.763.702.032.557
I. Nợ ngắn hạn	310		427.798.440.564	412.822.863.806
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	344.336.894.446	362.437.647.973
2. Phải trả người bán	312		56.634.907.217	10.850.323.902
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	4.531.749.406	6.775.894.277
4. Phải trả người lao động	315		1.083.996.571	394.841.482
5. Chi phí phải trả	316		14.118.137.645	27.781.327.576
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	6.481.563.268	3.003.136.585
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		611.192.011	1.579.692.011
II. Nợ dài hạn	330		1.138.939.954.651	1.350.879.168.751
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	1.138.939.954.651	1.350.879.168.751
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		882.229.022.769	864.378.608.389
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	882.229.022.769	864.378.608.389
1. Vốn cổ phần	411		942.750.280.000	942.750.280.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(85.648.303.072)
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.401.849.150	5.091.048.698
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.874.782.311	1.874.782.311
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(67.797.888.692)	310.800.452
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.448.967.417.984	2.628.080.640.946



Nguyễn Thái Đạo
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 03 năm 2013



Đỗ Đức Hùng
Phụ trách kế toán



Le Mạnh Tuấn
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng lửng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		581.738.510.890	281.430.732.819
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		581.738.510.890	281.430.732.819
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		475.349.411.029	239.435.106.628
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		106.389.099.861	41.995.626.191
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	72.063.226.041	117.758.197.647
6. Chi phí tài chính	22	20	158.195.249.106	154.335.862.671
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		38.368.969.683	41.835.197.025
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		87.589.171.337	1.943.314.699
8. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(67.332.094.541)	3.474.646.468
9. Chi phí khác	32		85.258.796	-
10. Lỗ khác (40=-32)	40		(85.258.796)	-
11. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(67.417.353.337)	3.474.646.468
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	21	380.535.355	3.163.846.016
13. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(67.797.888.692)	310.800.452
14. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	(719)	3



Nguyễn Thái Đạo
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 03 năm 2013



Đỗ Đức Hùng
Phụ trách kế toán



Lê Mạnh Tuấn
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lửng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(67.417.353.337)	3.474.646.468
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	64.078.423.167	64.063.195.570
Các khoản dự phòng	03	80.000.000.000	-
Lỗi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	84.682.903.415	80.875.901.473
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(63.703.793.966)	(95.648.964.855)
Chi phí lãi vay	06	38.368.969.683	41.835.197.025
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	136.009.148.962	94.599.975.681
Thay đổi các khoản phải thu	09	(9.637.622.439)	177.540.206.697
Thay đổi hàng tồn kho	10	(7.186.360.767)	(1.244.824.785)
Thay đổi các khoản phải trả	11	38.125.146.721	(352.964.660.790)
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.818.379.883	13.130.024.536
Tiền lãi vay đã trả	13	(38.368.969.683)	(41.835.197.025)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.599.205.945)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.124.500.000)	(1.143.097.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	118.036.016.732	(111.917.572.686)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(49.899.049.071)	(73.696.616.392)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(160.000.000.000)	(261.000.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư ngắn hạn	24	388.000.000.000	-
4. Thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	27	65.643.807.610	6.760.454.811
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	243.744.758.539	(327.936.161.581)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	41.000.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(270.328.656.171)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(229.328.656.171)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	132.452.119.100	(439.853.734.267)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	69.110.272.222	508.943.445.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(133.577)	20.560.790
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	201.562.257.745	69.110.272.222

Nguyễn Thái Đạo

Người lập biểu

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Đỗ Đức Hùng

Phụ trách kế toán



Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lũng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305475110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 07 năm 2009 và sửa đổi lần thứ 5 ngày 24 tháng 04 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 1 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 15 người (31 tháng 12 năm 2011: 10 người).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô, đào tạo nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, bốc xếp hàng hóa, bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, bán buôn chuyên doanh khác, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên, kinh doanh vận tải đa phương quốc tế.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

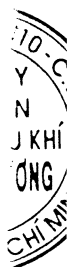
Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại thuyết minh số 4.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lửng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	15
Thiết bị văn phòng	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lửng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và sửa chữa tàu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 85.648.303.072 đồng và lỗ kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm 85.648.303.072 đồng và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ có số dư bằng không. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lửng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và, ngoài ra, không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Tiền mặt	131.661.147	59.713.184
Tiền gửi ngân hàng	1.430.350.511	1.150.314.989
Các khoản tương đương tiền	<u>200.000.246.087</u>	<u>67.900.244.049</u>
	<u>201.562.257.745</u>	<u>69.110.272.222</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng, với lãi suất được hưởng là từ 8% đến 9% một năm (31 tháng 12 năm 2011: 14% một năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản tương đương tiền trị giá 50 tỷ đồng tài Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Mạc Thị Bưởi là tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lũng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn chín tháng tại ngân hàng, với lãi suất được hưởng là 9% (31 tháng 12 năm 2011: 14% một năm), và khoản tiền cho vay ủy thác ngắn hạn bằng đô la Mỹ tại Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam, với lãi suất được hưởng là 1,5% một năm.

7. PHẢI THU KHÁC

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	17.036.944.429	16.228.930.295
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	148.000.000	388.888.889
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	23.911.745.699	7.562.880.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	55.000.000	-
Tổng Cty Tài chính CP Dầu khí VN - CN Sài Gòn	-	682.500.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	-	1.403.172
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nhà Bè (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
Trích trước lãi tiền gửi Ngân hàng	3.605.833.333	5.485.472.222
	<u>124.757.523.461</u>	<u>110.350.074.578</u>

(*) Khoản phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nhà Bè tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được Ngân hàng xác nhận do đang tranh chấp và chờ kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ban Giám đốc đánh giá rằng khả năng thu hồi số tiền này là rất thấp, do đó đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này.

8. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu tồn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	982.639.129.633	-	982.639.129.633
Tăng trong năm	-	87.935.037	87.935.037
Tại ngày 31/12/2012	<u>982.639.129.633</u>	<u>87.935.037</u>	<u>982.727.064.670</u>
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	221.328.192.326	-	221.328.192.326
Khấu hao trong năm	64.041.528.902	15.227.597	64.056.756.499
Tại ngày 31/12/2012	<u>285.369.721.228</u>	<u>15.227.597</u>	<u>285.384.948.825</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	<u>697.269.408.405</u>	<u>72.707.440</u>	<u>697.342.115.845</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>761.310.937.307</u>	<u>-</u>	<u>761.310.937.307</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí phát sinh trong quá trình đóng tàu với tải trọng 105.000 DWT do Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp tàu thủy Dung Quất thực hiện tới thời điểm 31 tháng 12 năm 2012. Trong năm 2012, chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị của dự án đóng tàu này với số tiền là 45.413.441.098 đồng (năm 2011: 49.331.561.036 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng lửng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí đóng tàu	205.463.600.076	205.463.600.076
Chi phí tư vấn dự án đóng tàu	4.744.074.191	4.744.074.191
Chi phí tư vấn và phê duyệt bản vẽ thiết kế	2.418.135.523	2.418.135.523
Chi phí tư vấn và lựa chọn thiết kế	279.231.183	279.231.183
Chi phí thuê chuyên gia giám sát thi công	33.305.000.595	33.052.831.610
Chi phí tài chính	331.680.244.020	276.541.921.656
Chi phí quản lý	36.600.000.000	36.000.000.000
Chi phí khác	20.051.245.023	18.718.245.023
	<u>634.541.530.611</u>	<u>577.218.039.262</u>

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn mười ba tháng tại các ngân hàng, với lãi suất được hưởng là 11% một năm.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	139.000.000.000	102.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 15)	205.336.894.446	260.437.647.973
	<u>344.336.894.446</u>	<u>362.437.647.973</u>

Vay ngắn hạn bao gồm:

- Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Mạc Thị Bưởi với số tiền vay là 37 tỷ đồng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất 8% một năm, được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 50 tỷ đồng tại ngân hàng này và đáo hạn vào ngày 27 tháng 01 năm 2013. Lãi vay và nợ gốc đã được hoàn trả tại ngày đáo hạn.
- Khoản vay ủy thác từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam thông qua Tổng Công ty với số tiền vay 102 tỷ đồng nhằm tài trợ cho dự án đóng mới tàu dầu thô Aframax. Khoản vay này chịu lãi suất 4,9%/năm, không có đảm bảo và sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 06 năm 2013.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	4.405.346.442	1.466.027.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.218.670.590
Thuế thu nhập cá nhân	32.127.217	-
Thuế nhà thầu	94.275.747	91.195.790
	<u>4.531.749.406</u>	<u>6.775.894.277</u>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	10.253.000
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	2.480.336.215	2.481.885.308
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	864.441.954	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	307.880.212	-
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	1.739.514.338	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.089.390.549	510.998.277
	<u>6.481.563.268</u>	<u>3.003.136.585</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lửng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Citi Việt Nam thông qua Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí để tài trợ mua tàu Athena và đóng mới tàu dầu thô Aframax.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	205.336.894.446	260.437.647.973
Trong năm thứ hai	205.336.894.380	151.919.140.408
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	616.010.683.140	455.757.421.224
Sau năm năm	317.592.377.131	743.202.607.119
	<u>1.344.276.849.097</u>	<u>1.611.316.816.724</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(205.336.894.446)</u>	<u>(260.437.647.973)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.138.939.954.651</u>	<u>1.350.879.168.751</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn cổ phần đã phát hành**

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phần được phép phát hành	94.275.028	94.275.028
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>942.750.280.000</u>	<u>942.750.280.000</u>
<u>Đã được phát hành và góp vốn đủ:</u>		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	94.275.028	94.275.028
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>942.750.280.000</u>	<u>942.750.280.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết góp vốn của các cổ đông của Công ty như sau:

	Tại ngày 31/12/2012 và 31/12/2011	
	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	612.000.000.000	64,9
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	95.503.470.000	10,1
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	84.496.530.000	9,0
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.	120.000.000.000	12,7
Các cổ đông khác	30.750.280.000	3,3
	<u>942.750.280.000</u>	<u>100</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lửng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(67.417.353.337)	3.474.646.468
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(8.714.603.887)	
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	870.427.000	9.180.737.596
(Lỗ)/thu nhập chịu thuế	(75.261.530.224)	12.655.384.064
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.163.846.016
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	380.535.355	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>380.535.355</u>	<u>3.163.846.016</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản lỗ chưa sử dụng là 75.261.530.224 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: không đồng) có thể được khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do Công ty không chắc chắn thu được lợi nhuận trong tương lai để khấu trừ. Khoản lỗ này sẽ được phép chuyển trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh và sẽ hết hạn chuyển vào năm 2017.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

22. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty như sau:

	2012	2011
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(67.797.888.692)	310.800.452
Điều chỉnh	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(67.797.888.692)	310.800.452
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	94.275.028	94.275.028
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>(719)</u>	<u>3</u>

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tổng Công ty Vận tải Dầu khí đã ký kết hợp đồng đóng tàu với Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và chuyển giao cho Công ty. Giá trị ước tính của con tàu là 84.288.802 đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng chi phí phát sinh liên quan đến việc đóng tàu là 1.055.171.838.531 đồng (tương đương 50.692.858 đô la Mỹ).

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.176.366.870</u>	<u>413.911.785</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	951.511.392	436.688.179
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	839.201.792	327.516.134
	<u>1.790.713.184</u>	<u>764.204.313</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lũng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ đông VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2011	942.750.280.000	(27.016.268.425)	27.821.734.659	3.749.564.621	1.874.782.311	21.744.487.808	970.924.580.974
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	310.800.452	310.800.452
Trích các quỹ	-	-	-	1.341.484.077	-	(2.428.708.467)	(1.087.224.390)
Hoàn nhập quỹ	-	-	(27.821.734.659)	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(47.137.514.000)	(47.137.514.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	(58.632.034.647)	-	-	-	-	(58.632.034.647)
Tại ngày 31/12/2011	942.750.280.000	(85.648.303.072)	-	5.091.048.698	1.874.782.311	310.800.452	864.378.608.389
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(67.797.888.692)	(67.797.888.692)
Trích các quỹ (*)	-	-	-	310.800.452	-	(310.800.452)	-
Chênh lệch tỷ giá	-	85.648.303.072	-	-	-	-	85.648.303.072
Tại ngày 31/12/2012	942.750.280.000	-	-	5.401.849.150	1.874.782.311	(67.797.888.692)	882.229.022.769

(*) Số trích lập các quỹ trong năm là số trích lập bổ sung các quỹ dự phòng tài chính của Công ty với số tiền là 310.800.452 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông số 01/TBD-ĐHĐCĐ-NQ ngày 31 tháng 5 năm 2012.

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, chủ yếu được thực hiện từ các mỏ dầu thô đến Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	192.298.850.513	91.472.813.729
Chi phí nhân công	25.784.559.998	23.723.625.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.078.423.167	64.063.195.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.529.589.665	53.748.569.462
Chi phí khác	220.247.159.023	8.370.216.854
	562.938.582.366	241.378.421.327

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.703.793.966	95.648.964.855
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.256.586.028	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	102.257.247	22.108.793.145
Doanh thu hoạt động tài chính khác	588.800	439.647
	72.063.226.041	117.758.197.647

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền vay	38.368.969.683	41.835.197.025
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	92.939.489.443	80.875.901.473
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.573.281.875	13.089.685.679
Lỗ do giao dịch hoán đổi ngoại tệ	313.508.105	18.505.998.147
Chi phí tài chính khác	-	29.080.347
	158.195.249.106	154.335.862.671

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lửng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải thanh toán cho việc thuê văn phòng Công ty. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 01 tháng 05 năm 2012.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	1.483.276.849.097	1.713.316.816.724
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	201.562.257.745	69.110.272.222
Nợ thuần	1.281.714.591.352	1.644.206.544.502
Vốn chủ sở hữu	<u>882.229.022.769</u>	<u>864,378,608,389</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,45</u>	<u>1,9</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	201.562.257.745	69.110.272.222
Phải thu khách hàng và phải thu khác	202.112.857.664	280.492.362.716
Đầu tư tài chính	273.078.250.000	501.111.400.000
Các khoản ký quỹ	166.000.000	10.000.000
	<u>676.919.365.409</u>	<u>850.724.034.938</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.483.276.849.097	1.713.316.816.724
Phải trả người bán và phải trả khác	63.116.470.485	13.853.460.487
Chi phí phải trả	14.118.137.645	27.781.327.576
	<u>1.560.511.457.227</u>	<u>1.754.951.604.787</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lửng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	1.376.638.863.774	1.617.278.850.469	56.389.905.052	55.689.335.713
<i>Yên Nhật (JPY)</i>	-	-	27.543	27.543
<i>Đô la Singapore (SGN)</i>	-	-	76.105.206	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lỗ kế toán trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng với số tiền là 66.012.447.936 đồng (năm 2011: Lợi nhuận kế toán trước thuế giảm/tăng 78.079.475.738 đồng)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết thông qua Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ khoản phải thu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè như trình bày tại Thuyết minh số 7.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lũng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	201.562.257.745	-	201.562.257.745
Phải thu khách hàng và phải thu khác	202.112.857.664	-	202.112.857.664
Đầu tư tài chính	113.078.250.000	160.000.000.000	273.078.250.000
Các khoản ký quỹ	10.000.000	156.000.000	166.000.000
Tổng cộng	516.763.365.409	160.156.000.000	676.919.365.409
Các khoản vay	344.336.894.446	1.138.939.954.651	1.483.276.849.097
Phải trả người bán và phải trả khác	63.116.470.485	-	63.116.470.485
Chi phí phải trả	14.118.137.645	-	14.118.137.645
Tổng cộng	421.571.502.576	1.138.939.954.651	1.560.511.457.227
Chênh lệch thanh khoản thuần	95.191.862.833	(978.783.954.651)	(883.592.091.818)

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.110.272.222	-	69.110.272.222
Phải thu khách hàng và phải thu khác	280.492.362.716	-	280.492.362.716
Đầu tư tài chính	501.111.400.000	-	501.111.400.000
Các khoản ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000
Tổng cộng	850.724.034.938	-	850.724.034.938
Các khoản vay	362.437.647.973	1.350.879.168.751	1.713.316.816.724
Phải trả người bán và phải trả khác	13.853.460.487	-	13.853.460.487
Chi phí phải trả	27.781.327.576	-	27.781.327.576
Tổng cộng	404.072.436.036	1.350.879.168.751	1.754.951.604.787
Chênh lệch thanh khoản thuần	446.651.598.902	(1.350.879.168.751)	(904.227.569.849)

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	536.427.599.738	250.103.939.783
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí – Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	338.932.625	-
Mua hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	85.161.550.856	18.704.067.635

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lũng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nhận dịch vụ**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	3.886.085.186	5.985.037.366
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	14.483.879.843	4.108.001.412
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	45.262.168.794	16.282.610.671
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí – Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	21.397.279.003	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia VN	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>

Thu nhập lãi cho vay

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	809.948.850	5.222.555.125
---	-------------	---------------

Chi phí lãi vay

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>84.401.508.351</u>	<u>103.657.392.844</u>
--------------------------------------	-----------------------	------------------------

Cổ tức công bố trong năm

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	30.600.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	-	4.775.173.500
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	4.224.826.500
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	-	<u>6.000.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	<u>1.108.521.742</u>	<u>641.823.276</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	156.780.453.826	170.142.288.138
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	574.880.377	-

Trả trước cho người bán

Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	420.630.307.920	420.630.307.920
---	-----------------	-----------------

Phải thu khác

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	23.911.745.699	7.562.880.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	17.036.944.429	16.228.930.295
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	-	1.403.172
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>203.000.000</u>	<u>1.071.388.889</u>

Phải trả người bán

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.982.591.735	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí – Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	6.653.397.139	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	16.587.552.253	8.134.333.373
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	4.045.430.104	2.499.624.017
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	33.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	-	<u>52.800.000</u>

Các khoản phải trả, phải nộp khác

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	864.441.954	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Quản lý tàu (PSM)	1.739.514.338	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	307.880.212	-
Ban quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	<u>2.480.336.215</u>	<u>2.481.855.308</u>

002
NH
TY
HUU
TE
AM
SCX

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng lửng, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Đầu tư và cho vay ngắn hạn**

Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Phương Nam	53.078.250.000	53.111.400.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	60.000.000.000	115.000.000.000

Các khoản vay

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>1.446.276.849.097</u>	<u>1.713.316.816.724</u>
--------------------------------------	--------------------------	--------------------------

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phản ánh đúng hơn số liệu so sánh:

Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại
				lại VND
Bảng cân đối kế toán				
Vay và nợ ngắn hạn	311	260.437.647.973	102.000.000.000	362.437.647.973
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	<u>105.003.136.585</u>	<u>(102.000.000.000)</u>	<u>3.003.136.585</u>



Nguyễn Thái Đạo
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 03 năm 2013



Đỗ Đức Hùng
Phụ trách kế toán

